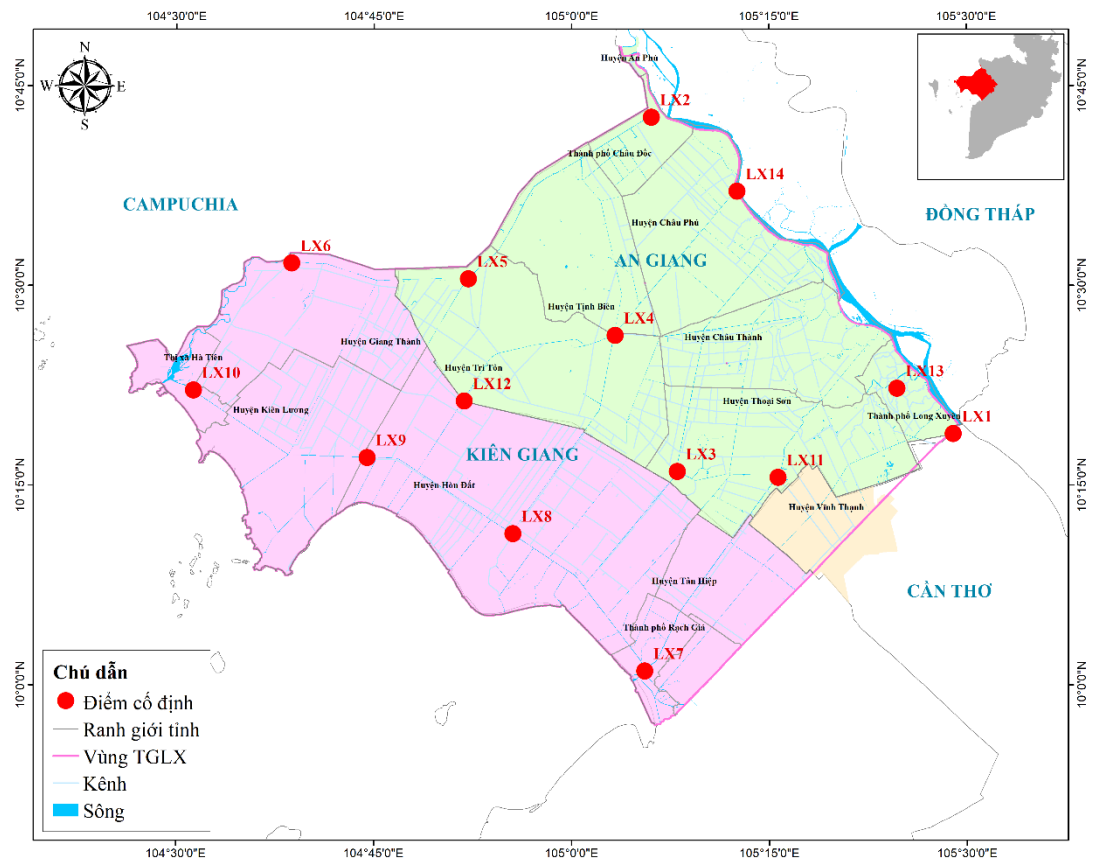


BẢN TIN TUẦN KỲ 10

“Đợt đo ngày 12/04/2025, dự báo từ ngày 29/04÷05/05/2025”

1. Vị trí dự báo chất lượng nước ngày 29/04÷05/05/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước ngày 29/04÷05/05/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nito từ ngày 29/04÷05/05/2025 được thể hiện qua các Bảng 1 đến Bảng 4 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 29/04÷05/05/2025 dao động trong khoảng 0,00÷21,86‰, độ mặn được dự báo có xu hướng giảm tại tất cả các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 12/04/2025 (Bảng 1).

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 29/04÷05/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	05/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,00	0,05	0,10	0,06	0,01	0,00	0,06	0,00	0,10
	LX2	0,05	0,00	0,10	0,10	0,02	0,07	0,03	0,00	0,10
	LX13	0,01	0,02	0,02	0,09	0,06	0,08	0,04	0,01	0,09
	LX14	0,05	0,09	0,03	0,07	0,00	0,09	0,05	0,00	0,09
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,03	0,04	0,09	0,06	0,08	0,03	0,05	0,03	0,09
	LX4	0,01	0,02	0,08	0,03	0,04	0,05	0,09	0,01	0,09
	LX5	0,01	0,02	0,02	0,03	0,07	0,03	0,01	0,01	0,07
	LX6	0,07	0,00	0,00	0,01	0,04	0,05	0,04	0,00	0,07
	LX11	0,05	0,07	0,04	0,09	0,06	0,02	0,02	0,02	0,09
	LX12	0,09	0,09	0,06	0,01	0,09	0,06	0,01	0,01	0,09
Phía ven biển Tây	LX7	0,06	0,09	0,06	0,01	0,06	0,09	0,10	0,01	0,10
	LX8	0,03	0,07	0,01	0,01	0,09	0,08	0,03	0,01	0,09
	LX9	0,07	0,10	0,05	0,03	0,07	0,01	0,04	0,01	0,10
	LX10	20,64	20,73	20,95	21,18	21,43	21,65	21,86	20,64	21,86
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					
Khuyến cáo		- Từ ngày 29/04÷05/05/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn được dự báo nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các vuông tôm.								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO được dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,29÷6,40 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng tăng tại hầu hết các điểm giám sát (10/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 12/04/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 29/04÷05/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	05/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,69	5,74	5,80	5,75	5,62	5,39	5,22	5,22	5,80
	LX2	5,61	5,80	6,26	6,40	6,07	6,00	5,87	5,61	6,40
	LX13	5,98	5,97	5,97	5,97	5,97	5,97	5,97	5,97	5,98
	LX14	5,58	5,59	5,61	5,65	5,64	5,62	5,61	5,58	5,65
	LX3	4,67	4,59	4,56	4,51	4,50	4,56	4,57	4,50	4,67
	LX4	5,42	5,27	5,22	5,23	5,19	5,11	5,04	5,04	5,42

Khu vực giữa nội đồng	LX5	5,97	5,98	5,97	5,98	5,97	5,96	5,96	5,96	5,98
	LX6	6,06	6,09	6,10	6,10	5,63	5,75	5,84	5,63	6,10
	LX11	5,07	5,06	5,02	4,98	4,95	4,92	4,88	4,88	5,07
	LX12	4,70	4,82	4,98	5,15	5,28	5,35	5,34	4,70	5,35
Phía ven biển Tây	LX7	4,50	4,48	4,38	4,29	4,35	4,50	4,69	4,29	4,69
	LX8	5,72	5,68	5,60	5,39	5,22	5,19	5,25	5,19	5,72
	LX9	4,39	4,46	4,52	4,55	4,55	4,58	4,59	4,39	4,59
	LX10	6,08	6,10	6,14	6,12	6,06	6,08	6,13	6,06	6,14
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≥ 6			Đạt mức B: ≥ 5			Không đạt mức B: <5		
Khuyến cáo		- Từ ngày 29/04÷05/05/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. - Riêng điểm LX3, LX7 và LX9 có giá trị DO được dự báo thấp trong nhiều ngày nên người dân cần chú ý khi sử dụng nguồn nước.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 7,47÷17,40 mg/l, giá trị BOD₅ có xu hướng tăng nhẹ tại phần lớn các điểm giám sát (9/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 12/04/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 29/04÷05/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	05/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	13,94	13,58	13,52	13,79	14,47	15,49	16,46	13,52	16,46
	LX2	9,42	9,19	8,92	8,68	8,50	8,35	8,23	8,23	9,42
	LX13	8,68	8,48	8,63	8,80	8,95	9,06	9,11	8,48	9,11
	LX14	13,76	12,92	12,83	12,98	13,20	13,47	13,63	12,83	13,76
Khu vực giữa nội đồng	LX3	13,08	12,88	12,47	12,04	11,92	12,41	13,28	11,92	13,28
	LX4	14,49	14,46	14,35	14,16	13,86	13,50	14,16	13,50	14,49
	LX5	10,06	10,12	10,20	10,10	9,93	9,71	9,42	9,42	10,20
	LX6	7,49	7,53	7,51	7,49	7,51	7,49	7,47	7,47	7,53
	LX11	11,76	12,31	12,85	11,56	11,59	11,74	11,80	11,56	12,85
	LX12	13,83	13,64	13,19	13,11	14,34	16,35	17,40	13,11	17,40
Phía ven biển Tây	LX7	9,84	9,79	9,97	10,34	10,64	10,48	10,30	9,79	10,64
	LX8	9,41	9,31	9,20	9,09	9,00	8,92	8,84	8,84	9,41
	LX9	8,80	8,73	8,66	8,57	8,42	8,26	8,14	8,14	8,80
	LX10	12,87	13,38	13,60	13,66	13,81	14,00	13,80	12,87	14,00
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6		Không đạt mức B: > 6			
Khuyến cáo		- Từ ngày 29/04÷05/05/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị tổng Nito được dự báo dao động từ 0,95÷3,56 mg/l, giá trị tổng Nito dự báo có xu hướng tăng nhẹ tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 12/04/2025 (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo tổng Nito tại các điểm giám sát từ 29/04÷05/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	05/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	1,83	1,79	1,78	1,75	1,73	1,78	1,83	1,73	1,83
	LX2	1,06	1,03	1,02	1,00	0,99	0,97	0,96	0,96	1,06
	LX13	1,33	1,26	1,26	1,28	1,25	1,20	1,17	1,17	1,33
	LX14	2,37	2,10	2,69	3,56	3,11	2,42	2,14	2,10	3,56
Khu vực giữa nội đồng	LX3	1,63	1,55	1,53	1,57	1,70	1,89	2,04	1,53	2,04
	LX4	2,57	2,52	2,44	2,36	2,27	2,18	2,13	2,13	2,57
	LX5	0,98	1,00	1,04	1,07	1,09	1,11	1,11	0,98	1,11
	LX6	1,09	1,03	0,97	0,98	0,97	0,95	0,95	0,95	1,09
	LX11	1,08	1,13	1,20	1,27	1,37	1,41	1,37	1,08	1,41
	LX12	2,66	2,63	2,52	2,66	2,81	2,89	2,93	2,52	2,93
Phía ven biển Tây	LX7	1,34	1,31	1,24	1,16	1,07	1,03	1,03	1,03	1,34
	LX8	1,19	1,17	1,17	1,17	1,17	1,16	1,18	1,16	1,19
	LX9	1,28	1,34	1,38	1,37	1,31	1,25	1,21	1,21	1,38
	LX10	2,77	2,52	2,41	2,43	2,38	2,32	2,27	2,27	2,77
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5		Không đạt mức B: >1,5			
Khuyến cáo		- Từ ngày 29/04÷05/05/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nito (TN) dự báo tại phần lớn các điểm giám sát đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác. - Riêng các điểm LX1, LX3, LX4, LX10, LX12, LX14 cần lưu ý chỉ tiêu tổng Nito có giá trị dự báo không đạt mức B trong nhiều ngày nên người dân cần chú ý trước khi sử dụng nguồn nước.								

Khuyến cáo:

Dự báo từ ngày 29/04÷05/05/2025, hầu hết các thông số chất lượng nước (độ mặn, DO, tổng Nito) trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên được dự báo nằm trong mức cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Riêng thông số BOD₅ dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao nên người dân vẫn cần theo dõi nguồn nước thường xuyên. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp cho nuôi tôm. Bên cạnh đó một số điểm giám sát vẫn tiếp tục có khả năng ô nhiễm dinh dưỡng chỉ tiêu tổng Nito, nên người dân cần lưu ý có biện pháp xử lý nguồn nước để nuôi trồng thủy sản.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CCTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng